HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ NGUYỄN VIỆT KHÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/NQ-HĐND	*Xã Nguyễn Việt Khái, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã Nguyễn Việt Khái

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 218/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Việt Khái về việc ban hành Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã Nguyễn Việt Khái; Báo cáo thẩm tra số 17/BC-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã Nguyễn Việt Khái.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã Nguyễn Việt Khái, gồm: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã và Quyết định của Ủy ban nhân dân xã theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã Nguyễn Việt Khái.

Điều 3. Tổng định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức khoán chi đối với văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã: 10.000.000 đồng/văn bản;

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân xã: 8.000.000 đồng/văn bản;

2. Định mức khoán chi đối với văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của từ 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên, mức chi bằng 100% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật, mức chi bằng 60% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật, mức chi bằng 30% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã và quyết định của Ủy ban nhân dân xã

a) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân xã ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn

bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của từ 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này;

d) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này;

đ) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã do các Ban của Hội đồng nhân dân xã trình, không thực hiện thẩm định thì định mức khoán chi từng nhiệm vụ, hoạt động tương ứng với tỷ lệ như sau: soạn thảo văn bản: 55%; Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình: 10%; Thẩm tra: 25%; Thông qua: 10%.

3. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan thẩm định; cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành; cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này để quyết định mức chi đối với từng hoạt động, sản phẩm cụ thể do đơn vị mình thực hiện.

Điều 5. Lập dự toán, quyết toán và kinh phí thực hiện

1. Hằng năm, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí bảo đảm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

2. Việc thanh toán, quyết toán theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 4 Nghị quyết này được thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Nguồn kinh phí khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của xã do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành, được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của xã.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Nguyễn Việt Khái khóa II, Kỳ họp thứ 5 (Chuyên đề) thông qua ngày 02 tháng 11 năm 2026.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (Đăng công báo);
- Sở Tư pháp tỉnh (Đăng CSDLQG về pháp luật;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, (H3).

CHỦ TỊCH

Phạm Lý Ba

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Nguyễn Việt Khái)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	**Định mức khoán chi** (mức chi bằng 100% tổng mức chi đối với từng loại văn bản)
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
5	Thông qua	10%	1.000.000
	Tổng cộng	**100%**	**10.000.000**

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Nguyễn Việt Khái)

Đơn vị tính: đồng

STT	**Nhiệm vụ, hoạt động**	**Tỷ lệ**	**Định mức khoán chi** (mức chi bằng 100% tổng mức chi đối với từng loại văn bản)
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	15%	1.200.000
	Tổng cộng	**100%**	**8.000.000**

Phụ lục III

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA TỪ 02 QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRỞ LÊN

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Nguyễn Việt Khái)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	**Định mức khoán chi** (mức chi bằng 100% tổng mức chi đối với từng loại văn bản)
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**10.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
5	Thông qua	10%	1.000.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**8.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	15%	1.200.000

Phụ lục IV

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 01 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Nguyễn Việt Khái)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	**Định mức khoán chi** (mức chi bằng 60% tổng mức chi đối với từng loại văn bản)
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**6.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	3.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	600.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	600.000
4	Thẩm tra	20%	1.200.000
5	Thông qua	10%	600.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**4.800.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	3.360.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	720.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	15%	720.000

Phụ lục V

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ MỘT PHẦN HOẶC BÃI BỎ TOÀN BỘ

(Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Nguyễn Việt Khái)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	**Định mức khoán chi** (mức chi bằng 30% tổng mức chi đối với từng loại văn bản)
I	**ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**3.000.000**
1	Soạn thảo văn bản	50%	1.500.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	300.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	300.000
4	Thẩm tra	20%	600.000
5	Thông qua	10%	300.000
II	**ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**	**100%**	**2.400.000**
1	Soạn thảo văn bản	70%	1.680.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	360.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	15%	360.000